

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM, SGD HÀ NỘI**

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty: CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CDC, Số 25 Lê Đại Hành, P Lê Đại Hành, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Thu Hương – Người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà CDC, Số 25 Lê Đại Hành, P Lê Đại Hành, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin cần công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia công bố về **Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 đã được công ty kiểm toán soát xét và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được công ty kiểm toán soát xét.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14 tháng 08 năm 2017 tại đường dẫn: www.irs.com.vn/Giới thiệu IRS/ IRS công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2017 đã được công ty kiểm toán soát xét;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2017 đã được công ty kiểm toán soát xét;

NGƯỜI THỰC HIỆN *uk*
CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ
HOÀNG GIA
HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Trần Thị Thu Hương

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017



MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	13 - 36

6622
NG
HIỆM
ÁN VÀ
T N
ÁY -

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh	Chủ tịch
Ông Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên thường trực

Ban Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Thu Hương	Tổng giám đốc
Bà Ngô Hà Chi	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, các văn bản hướng dẫn áp dụng kế toán cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

B-C.T.
TY
HỮU HAI
ĐỊNH GI
AM
P.P. HA

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA



Trần Thị Thu Hương *us*

Thành viên thường trực Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2017





Số : 60A.-17/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31/07/2017, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

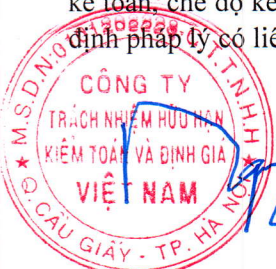
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Thanh Ngọc

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1011-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017

đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B01a - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		189.171.413.265	189.571.237.488
I. Tài sản tài chính	110		187.912.497.984	188.469.444.782
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.1.	153.317.965.479	153.774.105.339
1.1. Tiền	111.1		142.317.965.479	151.774.105.339
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		11.000.000.000	2.000.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	V.1.3.1	1.106.920.159	5.316.525
4. Các khoản cho vay	114	V.1.3.2	14.839.588.908	16.356.018.937
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.1.3.4	(1.646.321)	(1.646.321)
7. Các khoản phải thu	117	V.1.5.	176.052.501	121.483.471
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		176.052.501	121.483.471
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		176.052.501	121.483.471
8. Trả trước cho người bán	118		778.000.000	356.501.716
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.1.5.	28.609.167.207	28.817.765.065
12. Các khoản phải thu khác	122		86.450.051	39.900.050
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129	V.1.6.	(11.000.000.000)	(11.000.000.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		1.258.915.281	1.101.792.706
1. Tạm ứng	131		17.000.000	17.000.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.1.7.	281.288.243	46.196.297
6. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		960.627.038	1.038.596.409
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		117.140.610.397	116.484.959.391
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		108.250.000.000	108.250.000.000
2. Các khoản đầu tư	212	V.1.11.	108.250.000.000	108.250.000.000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4		108.250.000.000	108.250.000.000
II. Tài sản cố định	220		707.621.422	761.212.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.1.9.	236.819.353	278.179.351
- Nguyên giá	222		4.371.204.212	4.371.204.212
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(4.134.384.859)	(4.093.024.861)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.1.10.	470.802.069	483.033.321
- Nguyên giá	228		2.969.699.470	2.876.699.470
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(2.498.897.401)	(2.393.666.149)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		8.182.988.975	7.473.746.719
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		835.196.628	345.196.628
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.1.7.	188.552.266	448.955.656
4. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.1.8.	7.159.240.081	6.679.594.435
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		306.312.023.662	306.056.196.879

02228
NG T
HIỆM HỮ
N VÀ Đ
TNA
Y - T

Mẫu số B01a - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		3.351.908.895	3.408.022.845
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.351.908.895	3.408.022.845
1.1. Vay ngắn hạn	312		-	-
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	V.1.15.	1.580.600	-
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.1.16.	9.246.047	1.500.000
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		1.756.779.010	1.133.629.010
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.1.17.	775.006.823	891.728.241
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		1.234.649	7.010.934
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.1.18.	678.763.048	1.115.612.720
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.1.19.	129.298.718	258.541.940
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		302.960.114.767	302.648.174.034
I. Vốn chủ sở hữu	410		302.960.114.767	302.648.174.034
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		294.285.000.000	294.285.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
1.5 Cổ phiếu quỹ (*)	411.5		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		46.140.941	46.140.941
6. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		46.140.941	46.140.941
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.1.23.	8.582.832.885	8.270.892.152
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		8.582.832.885	8.270.892.152
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		306.312.023.662	306.056.196.879

CTCK
 Y
 U HẠN
 VỊ GIẢ
 M
 H A

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.1.25.	29.682.500	29.682.500
7. Cổ phiếu quỹ	007	V.1.26.	317.500	317.500
8. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	V.1.27.	502.980.000	3.050.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.1.13.	647.484.370.000	825.829.580.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		621.332.990.000	772.269.190.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		14.430.310.000	34.846.470.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		11.721.070.000	18.713.920.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		35.326.269.309	28.177.825.032
7.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	V.1.28.	35.325.187.484	28.176.803.042
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		1.081.825	1.021.990
8. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.1.20.	35.326.269.309	28.177.825.032
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		35.326.239.683	28.177.795.406
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		29.626	29.626

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khanh



Ngô Hà Chi



Trần Thị Thu Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		427.679.962	386.451.099
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>		<i>750.600</i>	<i>-</i>
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	<i>V.2.1.2</i>	<i>426.929.362</i>	<i>386.451.099</i>
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	V.2.1.2	664.681.115	323.717.652
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		4.860.917.898	2.973.603.273
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		1.113.551.459	1.155.161.821
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		232.708.233	124.390.081
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		1.655.873.935	1.504.517.307
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	V.2.1.3	1.310.130.770	871.884.651
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)	20		10.265.543.372	7.339.725.884
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		988.906	-
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>		<i>988.906</i>	<i>-</i>
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	V.2.4.	4.538.306.416	3.346.436.266
2.9. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	V.2.4.	1.039.646.799	298.764.070
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	V.2.4.	285.212.030	146.304.647
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	V.2.4.	1.072.256.914	389.119.260
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	V.2.2.	1.622.500	3.966.189
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)	40		6.938.033.565	4.184.590.432
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định	42	V.2.3.	15.649.337	376.763.890
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)	50		15.649.337	376.763.890
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)	60		-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG				
Cộng chi phí bán hàng (61 = 56 → 60)	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
Cộng chi phí quản lý công ty chứng khoán (62 = 61 → 60)	62	V.2.5.	2.957.210.340	3.251.268.741
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		385.948.804	280.630.601

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017

đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B02a - CTCK**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	V.2.6.	3.961.300	1.588.531
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		3.961.300	1.588.531
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		389.910.104	282.219.132
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		389.910.104	282.219.132
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		77.969.371	56.409.767
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	V.2.7.	77.969.371	56.409.767
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		311.940.733	225.809.365
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400			
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		10,40	7,53
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		10,40	7,53
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập

Nguyễn Thị Khanh

Kế toán trưởng

Ngô Hà Chi

Tổng Giám đốc

**Trần Thị Thu Hương**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		389.910.104	282.219.132
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(29.461.251)	(118.568.059)
- Khấu hao TSCĐ	03		146.591.250	241.929.291
- Dự thu tiền lãi	08		(176.052.501)	(360.497.350)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(723.588.713)	(24.945.059.734)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(1.101.603.634)	7.999.840.000
- Tăng (giảm) Các khoản cho vay	33		1.516.430.029	(33.286.251.299)
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(54.569.030)	575.044.442
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		208.597.858	1.098.555.616
(-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		(46.550.001)	120.847.163
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		-	96.461.443
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(436.849.672)	319.435.331
Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		25.311.444	-
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(56.409.767)
Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		7.746.047	11.305.030
Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		(5.776.285)	-
Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(116.721.418)	(126.537.199)
Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		495.487.378	(1.415.186.040)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	1.269.109.810
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(1.215.091.429)	(1.551.274.264)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(363.139.860)	(24.781.408.661)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(93.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(93.000.000)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay gốc	73		-	11.681.600.000
3.2. Tiền vay khác	73.2		-	11.681.600.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	11.681.600.000
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(456.139.860)	(13.099.808.661)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1.1.	153.774.105.339	149.670.521.612
- Tiền	101.1		151.774.105.339	138.970.521.612
- Các khoản tương đương tiền	101.2		2.000.000.000	10.700.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1.1.	153.317.965.479	136.570.712.951
- Tiền	103.1		142.317.965.479	134.570.712.951
- Các khoản tương đương tiền	103.2		11.000.000.000	2.000.000.000

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		1.682.776.869.000	878.490.321.400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(1.454.999.319.500)	(877.075.473.000)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		1.454.999.319.500	877.075.473.000
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(1.675.343.212.693)	(880.923.323.037)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(285.212.030)	(146.304.647)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		12.245.071.236	9.502.717.471
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(12.245.071.236)	(9.499.872.771)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>		<i>7.148.444.277</i>	<i>(2.576.461.584)</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng				
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		28.177.825.032	28.686.583.439
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý Trong đó có kỳ hạn	32	V.1.14.	28.176.803.042	28.686.583.439
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	V.1.14.	1.021.990	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng				
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	V.1.14.	35.325.187.484	26.106.258.024
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	V.1.14.	1.081.825	1.019.131
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		-	2.844.700

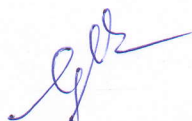
Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khanh



Ngô Hà Chi



Trần Thị Thu Hương

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B04a - CTCK

BÁO CÁO TÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		01/01/2016	01/01/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Tăng	Giảm	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Biến động vốn chủ sở hữu							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	300.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ (*)		(5.715.000.000)	(5.715.000.000)	-	-	-	(5.715.000.000)
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		30.495.051	46.140.941	-	-	-	30.495.051
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		30.495.051	46.140.941	-	-	-	30.495.051
8. Lợi nhuận chưa phân phối		7.989.266.139	8.270.892.152	225.809.365	-	311.940.733	8.215.075.504
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		7.989.266.139	8.270.892.152	225.809.365	-	311.940.733	8.582.832.885
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-	-	-	-
Tổng cộng		302.335.256.241	302.648.174.034	225.809.365	-	311.940.733	302.561.065.606
							302.960.114.767

Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Thị Khanh

Kế toán trưởng

[Signature]

Ngô Hà Chi

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hương

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2017

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 58/UBCK-GPHĐKD ngày 06 tháng 07 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty đã có 05 lần điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ngày 8/12/2015, Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK ngày 24/3/2016 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 18/7/2017 thì:

- Vốn điều lệ theo đăng ký: **300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ đồng).**
- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành năm 2007 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 ngày 01/06/2017.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp./.

Trụ sở Công ty tại: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

3. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

+ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

+ Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

+ Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

+ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

228-
T
HỮU
ĐỊNH
IAM
TP.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh và;
- + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện; và
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).
- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán đối với Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/6/2017 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

HÀNG KI
GIÁ
C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty, tiền gửi của tổ chức phát hành và tiền bù thanh toán, bù trừ giao dịch chứng khoán, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản cho vay và phải thu.**2.1 Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính và nợ tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty**

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL):

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (FVTPL) là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời.

Các tài sản tài chính này thường gồm: cổ phiếu, trái phiếu, công cụ tiền tệ, công cụ phái sinh (với mục đích phòng ngừa rủi ro)

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phải được phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

2.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp kế toán ghi nhận tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ thuộc danh mục tài sản tài chính của công ty (FVTPL)

Giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc). Các chi phí mua các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động riêng ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài chính FVTPL được phản ánh trên cơ sở thuần (bằng giá mua hoặc trừ chênh lệch giảm do đánh giá lại):

- Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn tài sản tài chính đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

- Các tài sản tài chính này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay và phải thu của nhà đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên hợp đồng cho vay Margin, hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán và các chứng từ giao dịch thực tế.

3. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC; Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Phương tiện vận tải	06
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC; Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phần mềm kế toán, phần mềm giao dịch	04 - 05

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư này được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính được ghi nhận căn cứ trên giá trị các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán, cho vay hoạt động margin, thời hạn vay, lãi suất vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: công cụ dụng cụ phân bổ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ có giá trị lớn, chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

38
T
H
D
A
TP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí giao dịch phải trả Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, chi phí lương và các khoản chi phí khác thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

9. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu, thu nhập của Công ty bao gồm: doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng và lãi tiền gửi ngân hàng phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và doanh thu khác phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh của Công ty.

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng. Doanh thu này bao gồm:

- Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính;
- Doanh thu từ các dịch vụ tài chính khác,

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Tiền lãi

Thu nhập từ lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ dựa trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ phần lãi trước ngày mua chứng khoán nợ được hạch toán giảm giá vốn chứng khoán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu. Trong trường hợp này, Công ty không ghi nhận thu nhập mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

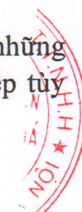
Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các Báo cáo tài chính giữa niên độ**1. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ****1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.323.356.427	1.332.912.170
Tiền gửi ngân hàng	140.994.609.052	150.441.193.169
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	153.317.965.479	153.774.105.339



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1.2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
a) Của Công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	100.306	2.360.497.240
Cộng	100.306	2.360.497.240
b) Của Nhà Đầu tư		
- Cổ phiếu	258.277.741	3.077.648.172.500
Cộng	258.277.741	3.077.648.172.500

1.3. Các loại tài sản tài chính**1.3.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Đơn vị tính: VND

Tài sản FVTPL	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
a) Cổ phiếu niêm yết	1.106.674.714	1.105.781.040	5.071.080	4.781.090
BVS	-	-	1.980.000	984.000
STB	127.448	124.200	127.448	85.050
CSM	15.909	18.550	15.909	20.250
VCG	169.890	107.000	169.890	67.500
DIG	124.017	124.800	187.778	38.250
DTL	15.867	48.000	15.867	61.200
TCM	37.300	59.600	223.800	174.000
SRC	108.538	147.600	38.538	69.600
SDC	550.400	1.126.600	550.400	1.247.000
SBT	-	35.050	-	269.500
TNG	39.000	35.400	39.000	36.900
PVD	62.215	41.550	112.250	103.500
TNA	319.500	225.000	319.500	287.500
HHS	35.350	29.120	25.250	18.200
HQC	38.320	25.680	38.320	18.240
CTG	62.400	81.000	62.400	60.200
EIB	47.700	64.500	66.780	63.000
SSI	38.800	55.300	38.800	39.200
ASM	72.750	70.500	72.750	73.500
BCI	63.750	78.000	63.750	68.400
DHC	106.350	97.500	106.350	112.500
HDG	108.000	150.000	108.000	119.250
HAG	33.250	66.360	33.250	37.450
PPC	69.250	102.500	69.250	83.500
VIC	159.200	170.800	398.000	420.000
SC5	48.200	60.600	48.200	55.400
MBB	107.000	178.400	159.600	168.000
DRC	167.500	160.250	-	-
HCM	664.500.000	669.000.000	-	-

0022
 CÔNG
 NHẬN
 TOÁN VÀ
 KẾ T
 GIẤY

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

REE	79.400	147.600	-	-
FIT	38.880	47.040	-	-
CII	80.100	111.600	-	-
HID	18.000	24.360	-	-
PET	20.800	24.500	-	-
HAP	35.910	40.050	-	-
TMT	60.000	63.000	-	-
FPT	201.500	234.250	-	-
HDC	44.800	60.800	-	-
HSG	151.600	129.600	-	-
HUT	437.500.000	430.500.000	-	-
VOS	8.820	15.680	-	-
PNJ	200.000	407.200	-	-
CTD	840.000	1.299.000	-	-
VCB	167.000	192.500	-	-
b) Cổ phiếu chưa niêm yết	245.445	20.900	245.445	15.200
MMC	245.445	20.900	245.445	15.200
Cộng	1.106.920.159	1.105.801.940	5.316.525	4.796.290

Giá trị thị trường/ hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2017 của các Sở giao dịch chứng khoán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) được xác định theo giá đóng cửa bình quân tại ngày 30/06/2017.

1.3.2 Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	13.483.957.596	13.483.957.596	11.984.803.047	11.984.803.047
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	1.355.631.312	1.355.631.312	4.371.215.890	4.371.215.890
Cộng	14.839.588.908	14.839.588.908	16.356.018.937	16.356.018.937

Đơn vị tính: VND

8-C.V
 T.Y
 HỮU H
 ĐỊNH C
 AM
 TP. X

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Đơn vị tính: VND

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại Tài sản tài chính	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
		Giá sổ sách kế toán	Giá trị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
Tài sản tài chính FVTPL	50.298	1.106.920.159	1.105.801.940	(1.646.321)	(1.646.321)	-
Cổ phiếu niêm yết	50.279	1.106.674.714	1.105.781.040	(1.416.076)	(1.416.076)	-
BVS	-	-	-	(996.000)	(996.000)	-
STB	9	127.448	124.200	(42.398)	(42.398)	-
CSM	1	15.909	18.550	-	-	-
VCG	5	169.890	107.000	(102.390)	(102.390)	-
DIG	8	124.017	124.800	(149.528)	(149.528)	-
DTL	2	15.867	48.000	-	-	-
TCM	2	37.300	59.600	(49.800)	(49.800)	-
SRC	9	108.538	147.600	-	-	-
SDC	86	550.400	1.126.600	-	-	-
TNG	3	39.000	35.400	(2.100)	(2.100)	-
PVD	3	62.215	41.550	(8.750)	(8.750)	-
TNA	5	319.500	225.000	(32.000)	(32.000)	-
HHS	7	35.350	29.120	(7.050)	(7.050)	-
HQC	8	38.320	25.680	(20.080)	(20.080)	-
CTG	4	62.400	81.000	(2.200)	(2.200)	-
EIB	5	47.700	64.500	(3.780)	(3.780)	-
SSI	2	38.800	55.300	-	-	-
ASM	5	72.750	70.500	-	-	-
BCI	3	63.750	78.000	-	-	-
DHC	3	106.350	97.500	-	-	-
HDG	5	108.000	150.000	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Đơn vị tính: VND

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại Tài sản tài chính	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
	Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá trị trường tại thời điểm lập BCTC			
			Giá trị lập dự phòng kỳ này			
HAG	7	33.250	66.360	-	-	-
PPC	5	69.250	102.500	-	-	-
VIC	4	159.200	170.800	-	-	-
SC5	2	48.200	60.600	-	-	-
SBT	1	-	35.050	-	-	-
MBB	8	107.000	178.400	-	-	-
DRC	5	167.500	160.250	-	-	-
HCM	15.000	664.500.000	669.000.000	-	-	-
REE	4	79.400	147.600	-	-	-
FIT	8	38.880	47.040	-	-	-
CUI	3	80.100	111.600	-	-	-
HID	6	18.000	24.360	-	-	-
PET	2	20.800	24.500	-	-	-
HAP	9	35.910	40.050	-	-	-
TMT	5	60.000	63.000	-	-	-
FPT	5	201.500	234.250	-	-	-
HDC	4	44.800	60.800	-	-	-
HSG	4	151.600	129.600	-	-	-
HUT	35.000	437.500.000	430.500.000	-	-	-
VOS	7	8.820	15.680	-	-	-
PNJ	4	200.000	407.200	-	-	-
CTD	6	840.000	1.299.000	-	-	-
VCB	5	167.000	192.500	-	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Đơn vị tính: VND

Tình hình lập dự phòng giảm giá các tài sản tài chính

Loại Tài sản tài chính	Số lượng	Cơ sở lập dự phòng kỳ này			Giá trị lập dự phòng kỳ trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
		Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
Cổ phiếu chưa niêm yết	19	245.445	20.900	(230.245)	-	
MMC	19	245.445	20.900	(230.245)	-	
Tài sản tài chính HTM	-	-	-	-	-	
Các khoản cho vay và phải thu	-	14.839.588.908	14.839.588.908	-	-	
Cho vay hoạt động Margin	-	13.483.957.596	13.483.957.596	-	-	
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	-	1.355.631.312	1.355.631.312	-	-	
	50.298	15.946.509.067	15.945.390.848	(1.646.321)	(1.646.321)	

Giá trị thị trường/ hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 30/06/2017 của các Sở giao dịch chứng khoán.

Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) được xác định theo giá đóng cửa quản tại ngày 30/06/2017.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1.4. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự phòng các khoản tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi, lỗ	1.646.321	1.646.321
Cộng	1.646.321	1.646.321

1.5. Các khoản phải thu

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</i>	<i>176.052.501</i>	<i>121.483.471</i>
Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	176.052.501	121.483.471
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	28.609.167.207	28.817.765.065
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	31.267.207	43.765.065
Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	28.469.000.000	28.469.000.000
- Nguyễn Hữu Tuấn	6.057.000.000	6.057.000.000
- Phạm Thanh Nam	22.412.000.000	22.412.000.000
Phải thu dịch vụ tư vấn tài chính	108.900.000	305.000.000
Cộng	28.785.219.708	28.939.248.536

(*) Chi tiết tại thuyết minh số V.1.6.


 NG T
 HIỆM HỮ
 N VÀ Đ
 T NA
 Y - T F

TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017

đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a - CTCK**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

Loại phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Số dư dự phòng phải thu đầu kỳ (01/01/2017)	Số trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số dư dự phòng phải thu cuối kỳ (30/6/2017)
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi						
Dự phòng phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	28.469.000.000		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
Nguyễn Hữu Tuấn	6.057.000.000		2.340.335.101	-	-	2.340.335.101
Phạm Thanh Nam	22.412.000.000		8.659.664.899	-	-	8.659.664.899
Cộng	28.469.000.000		11.000.000.000	-	-	11.000.000.000

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1.7. Chi phí trả trước	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	281.288.243	46.196.297
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	281.288.243	46.196.297
Dài hạn	188.552.266	448.955.656
Chi phí hoàn thiện văn phòng, hệ thống mạng	133.960.587	278.968.269
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	54.591.679	169.987.387
Cộng	469.840.509	495.151.953

1.8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.477.503.927	4.379.664.292
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	2.561.736.154	2.179.930.143
Cộng	7.159.240.081	6.679.594.435

1.9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2017	1.623.734.000	2.747.470.212	4.371.204.212
Số dư ngày 30/6/2017	1.623.734.000	2.747.470.212	4.371.204.212
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2017	1.623.734.000	2.469.290.861	4.093.024.861
Khấu hao trong kỳ		41.359.998	41.359.998
Số dư ngày 30/6/2017	1.623.734.000	2.510.650.859	4.134.384.859
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	-	278.179.351	278.179.351
Tại ngày 30/6/2017	-	236.819.353	236.819.353

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.957.604.212 VND.

1.10. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND
		Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2017	2.876.699.470	2.876.699.470
Mua trong kỳ	93.000.000	93.000.000
Số dư ngày 30/6/2017	2.969.699.470	2.969.699.470
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2017	2.282.666.140	2.282.666.140
Số dư ngày 30/6/2017	2.282.666.140	2.282.666.140

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Số dư ngày 30/6/2017	2.498.897.401	2.498.897.401
Giá trị còn lại		-
Tại ngày 01/01/2017	483.033.321	483.033.321
Tại ngày 30/6/2017	470.802.069	470.802.069
		-

1.11. Các khoản đầu tư

Đầu tư dài hạn khác	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi số	Giá trị hợp lý
Đơn vị tính: VND				
Ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Phú Điền đại diện góp vốn vào các dự án:				
+ Dự án xử lý nước thải Từ Sơn (i)	25.175.000.000	25.175.000.000	25.175.000.000	25.175.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Cửa Lò (ii)	175.000.000	175.000.000	175.000.000	175.000.000
+ Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát (iii)	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
+ Dự án khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn (iv)	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000	22.900.000.000
Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Vị Xuyên (v)	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	108.250.000.000	108.250.000.000	108.250.000.000	108.250.000.000

(i) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Từ Sơn theo Quyết định số 29A/2010/QĐ-IRS ngày 10/5/2015 của Hội đồng quản trị. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 34,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng mức vốn của dự án.

(ii) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Cửa Lò theo Quyết định số 29B/2010/QĐ-IRS ngày 10/5/2015 của Hội đồng quản trị. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 2,9 tỷ đồng, chiếm 5% tổng mức vốn của dự án.

(iii) Khoản đầu tư vào Dự án xử lý nước thải Tham Lương - Bến Cát theo Hợp đồng BT 01 giữa TP HCM với liên danh 3 bên. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 1.868 tỷ đồng, trong đó liên danh 3 bên góp 30% tổng mức vốn của dự án.

(iv) Khoản đầu tư vào khu nhà ở xã Hương Mạc - Từ Sơn theo Quyết định số 1726 ngày 31/12/2015 của chủ tịch UBND Tỉnh Bắc Ninh. Theo đó, tổng số vốn đầu tư là 229 tỷ đồng.

(v) Khoản đầu tư vào Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Vị Xuyên theo Quyết định số 01/2008/QĐ-IRS ngày 01/09/2008 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty mua 300.000 cổ phần tại Công ty CP Công nghiệp khoáng sản Vị Xuyên, chiếm 10% vốn điều lệ.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***1.12. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán**

Tài sản tài chính	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	502.980.000	3.050.000
Cộng	502.980.000	3.050.000

1.13. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	621.332.990.000	772.269.190.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	14.430.310.000	34.846.470.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	11.721.070.000	18.713.920.000
Cộng	647.484.370.000	825.829.580.000

1.14. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	35.325.187.484	28.176.803.042
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	35.325.157.858	28.176.773.416
1.2. Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	29.626	29.626
2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.081.825	1.021.990
Cộng	35.326.269.309	28.177.825.032

1.15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1.580.600	0
Cộng	1.580.600	0

1.16. Phải trả người bán

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn		
Trung tâm kinh doanh VNPT Hà Nội- Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông	9.246.047	-
Các đối tượng khác	-	1.500.000
Cộng	9.246.047	1.500.000

310
 C
 R.ÁCI
 EM 1
 VI
 (G)

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

1.17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	67.234.427	91.064.481
Thuế thu nhập cá nhân	707.772.396	800.663.760
Cộng	775.006.823	891.728.241
1.18. Chi phí phải trả	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí giao dịch phải trả HNX và HOSE	127.827.216	145.243.679
Trích trước chi phí lương	353.535.832	629.569.041
Chi phí phải trả khác	197.400.000	340.800.000
Cộng	678.763.048	1.115.612.720
1.19. Phải trả, phải nộp khác	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả hoa hồng môi giới	97.913.133	228.985.680
Phải trả khác	31.385.585	29.556.260
Cộng	129.298.718	258.541.940
1.20. Phải trả Nhà đầu tư	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
1. Phải trả nhà đầu tư - tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	35.326.269.309	28.177.825.032
- Của nhà đầu tư trong nước	35.326.239.683	28.177.795.406
- Của nhà đầu tư nước ngoài	29.626	29.626
2. Phải trả khác của Nhà đầu tư	-	-
Cộng	35.326.269.309	28.177.825.032
1.21. Phải trả của Nhà đầu tư về dịch vụ cho CTCK	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải trả phí môi giới chứng khoán	31.267.207	43.765.065
Phải trả phí tư vấn đầu tư	108.900.000	305.000.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	28.469.000.000	28.469.000.000
Cộng	28.609.167.207	28.817.765.065
1.22. Phải trả vay Công ty chứng khoán của Nhà đầu tư	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND

20
ÔN
NH
ÁN
ÉT
TỶ

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Phải trả gốc Margin	13.483.957.596	11.984.803.047
2.1 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư trong nước	13.483.957.596	11.984.803.047
2.2 Phải trả gốc Margin của nhà đầu tư nước ngoài	-	-
4. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.355.631.312	4.371.215.890
4.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	1.355.631.312	4.371.215.890
a. Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	1.355.631.312	4.371.215.890
Cộng	14.839.588.908	16.356.018.937
1.23. Lợi nhuận chưa phân phối	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	8.582.832.885	8.270.892.152
Cộng	8.582.832.885	8.270.892.152

1.24. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
	VND	VND
Lãi đã thực hiện chưa phân phối kỳ trước	8.270.892.152	7.989.266.139
Lỗ chưa thực hiện tính đến 30/6	-	-
Lãi đã thực hiện kỳ này	311.940.733	225.809.365
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 30/6	8.582.832.885	8.215.075.504
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	-	-
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	-
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho Nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	-	-
Tổng thu nhập phân phối cho các cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	-	-

(*) Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng**1.25. Cổ phiếu đang lưu hành**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại <= năm	29.682.500	29.682.500
Loại > 1 năm	-	-
Cộng	29.682.500	29.682.500

1.26. Cổ phiếu quỹ

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại <= năm	317.500	317.500
Loại > 1 năm	-	-

222
G T
MH
AD
NA
TF

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***1.27. Chứng khoán niêm yết lưu ký tại VSD**

	30/06/2017	01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Loại <= năm	502.980.000	3.050.000
Loại > 1 năm	-	-
Cộng	502.980.000	3.050.000

1.28. Tiền gửi của nhà đầu tư

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>35.325.187.484</i>	<i>28.176.803.042</i>
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	35.325.187.484	28.176.803.042
- Tiền gửi của nhà đầu tư về ủy thác đầu tư	-	-
Tiền gửi của nhà đầu tư vãng lai	-	-
Cộng	35.325.187.484	28.176.803.042

3-05
 TỶ S
 HẠN
 NH
 GIA
 M
 HA

G TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

ni: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017

đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a - CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ**Thu nhập****Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

Đơn vị tính: VND

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán			Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này			Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm 2016
	1	2	3=1*2				4	5=3-4	6		
B											
Cổ phiếu niêm yết											
BVS		60		17.800	3.951.500	4.189.806	(238.306)	(238.306)	(238.306)		1.808.392
DIG		10		14.250	1.068.000	1.980.000	(912.000)	(912.000)	(912.000)		-
EIB		10		12.300	142.500	155.021	(12.521)	(12.521)	(12.521)		-
MBB		20		20.750	415.000	95.400	27.600	27.600	27.600		-
PET		10		11.600	116.000	267.500	147.500	147.500	147.500		-
PVD		10		14.300	143.000	104.000	12.000	12.000	12.000		-
SBT		10		34.500	345.000	-	345.000	345.000	345.000		-
TCM		10		32.100	321.000	186.500	134.500	134.500	134.500		-
VIC		30		42.600	1.278.000	1.194.000	84.000	84.000	84.000		-
VCS		-		-	-	-	-	-	-		5.286.400
SHN		-		-	-	-	-	-	-		(816.000)
VCG		-		-	-	-	-	-	-		(1.441.290)
KLS		-		-	-	-	-	-	-		(1.372.000)
TNG		-		-	-	-	-	-	-		(1.100)
ACB		-		-	-	-	-	-	-		(105.076)
PVX		-		-	-	-	-	-	-		(635.200)
PVI		-		-	-	-	-	-	-		315.244
PVS		-		-	-	-	-	-	-		207.300
SRC		-		-	-	-	-	-	-		225.538
CSM		-		-	-	-	-	-	-		64.909
DTL		-		-	-	-	-	-	-		79.667
Cộng					3.951.500	4.189.806	(238.306)	(238.306)	(238.306)		1.808.392

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***2.1.2 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	426.929.362	386.451.099
Từ các khoản cho vay	664.681.115	323.717.652
Cộng	1.091.610.477	710.168.751

2.1.3 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Thu nhập hoạt động khác	1.310.130.770	871.884.651
Cộng	1.310.130.770	871.884.651

2.2. Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	1.622.500	3.966.189
Cộng	1.622.500	3.966.189

2.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.649.337	376.763.890
Cộng	15.649.337	376.763.890

2.4. Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	4.538.306.416	3.346.436.266
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư CK	1.039.646.799	298.764.070
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	285.212.030	146.304.647
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	1.072.256.914	389.119.260
Cộng	6.935.422.159	4.180.624.243

2.5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.775.125.362	2.121.627.073
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	180.430.168	271.408.172
Chi phí khấu hao TSCĐ	46.591.248	150.815.001

1202
CÔNG
TH NHIỆM
ĐOÀN VÀ
HIỆT N
HAY - T

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIAĐịa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017**Mẫu số B09a - CTCK****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Chi phí thuế, phí, lệ phí	36.333.336	21.100.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	860.980.226	686.318.108
Chi phí bằng tiền khác	57.750.000	-
Cộng	2.957.210.340	3.251.268.741

2.6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Các khoản thu nhập khác	3.961.300	1.588.531
Cộng	3.961.300	1.588.531

2.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	77.969.371	56.409.767
Chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	77.969.371	56.409.767
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập công ty chứng khoán hiện hành	77.969.371	56.409.767

3. Những thông tin khác**3.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ngày 18/7/2017 Công ty được cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 28/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Theo đó, địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty tại tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

3.2 Thông tin về các bên liên quan*Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong kỳ*

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lương	330.000.000	505.000.000
Cộng	330.000.000	505.000.000

28
T.Y
-UU
-NH
-M
P.Y

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà CDC, số 25 Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017
đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a - CTCK**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3.3 Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Và, Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với quy định của các thông tư này.

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2017

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thị Khanh****Ngô Hà Chi****Trần Thị Thu Hương**

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 171/ 2017/ CV- IRS
(V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận giữa
BCTC 6TĐN/2017 và BCTC 6TĐN/2016)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)

Tên viết tắt: IRS

Trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà CDC, Số 25 Lê Đại Hành, P Lê Đại Hành, Q Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (04) 3 944 6666

Fax: (04) 3944 6969

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia giải trình chênh lệch lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2017 so với 6 tháng đầu năm 2016 như sau:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2017 là 311.940.733 đồng trong khi lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 là 225.809.365 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do thị trường chứng khoán 6 tháng đầu năm 2017 diễn biến thuận lợi, đồng thời Công ty cắt giảm, tiết kiệm tối đa các chi phí hoạt động so với cùng kỳ năm 2016.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC, KTTC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trần Thị Thu Hương